CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 35 : 2010/BTNMT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ NƯỚC KHAI THÁC THẢI TỪ CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ TRÊN BIỂN

National Technical Regulation on Discharged Produced Water for Offshore Oil and Gas Facilities

HÀ NỘI - 2010

Lời nói đầu

QCVN 35:2010/BTNMT *do Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước* biên soạn, Tổng cục Môi trường, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 42/2010/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ NƯỚC KHAI THÁC THẢI TỪ CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ TRÊN BIỂN

National Technical Regulation on Discharged Produced Water for Offshore Oil and Gas Facilities

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của dầu trong nước khai thác khi thải xuống biển từ các công trình khai thác dầu khí.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thải nước khai thác từ các hoạt động khai thác dầu khí xuống vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam.

1.3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chuẩn này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Nước khai thác là nước từ các vỉa dầu khí, được tách ra trong quá trình khai thác dầu, khí; Nước khai thác bao gồm: nước vỉa, nước bơm ép và dung dịch hỗn hợp các chất được đưa vào trong giếng.

1.3.2. Hàm lượng dầu trung bình ngày: là trung bình cộng giá trị hàm lượng dầu của 04 (bốn) mẫu nước khai thác, mỗi mẫu được lấy cách nhau 06 (sáu) giờ trong 01 (một) ngày;

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Giá trị tối đa cho phép của hàm lượng dầu trong nước khai thác khi thải xuống biển được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Giá trị tối đa cho phép của hàm lượng dầu trong nước khai thác khi thải xuống biển

STT	Vị trí thải	Giới hạn trung bình ngày (đơn vị: mg/l)
1	Cách ranh giới khu vực nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thủy sinh, vui chơi giải trí dưới nước nhỏ hơn 01 (một) hải lý	5,0
2	Cách bờ nhỏ hơn 03 (ba) hải lý	10
3	Cách bờ từ 03 (ba) đến 12 (mười hai) hải lý	15
4	Cách bờ lớn hơn 12 (mười hai) hải lý	40
Ghi chú: "bờ" được hiểu là ranh giới giữa đất liền và biển.		

3. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

3.1. Phương pháp xác định dầu trong nước khai thác thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5070:1995 - Chất lượng nước – Phương pháp khối lượng xác định dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ;

3.2. Chấp nhận áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5070:1995.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Quy chuẩn này thay thế Quy định tạm thời về hàm lượng dầu cho phép trong nước thải và trong mùn khoan áp dụng cho các công trình dầu khí hoạt động tại vùng biển Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 395/1998/QĐ-BKHCNMT ngày 10 tháng 4 năm 1998 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong việc tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác, tàng trữ, vận chuyển, chế biến dầu khí và các dịch vụ liên quan.

4.2. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.3. Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia viện dẫn trong Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.